

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 15/9/2023 “V/v Yêu cầu không
công nhận quan hệ vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Lợi Niê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh, bà Hà Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về " V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXX-ST ngày 09/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th – Sinh năm: 1978 (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn L – Sinh năm: 1974 (Có đơn xin xx vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn BH, xã EM, huyện CM, tỉnh ĐL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L có 03 con chung gồm: Cháu Trần Thị L, sinh ngày 21/8/1997; Trần Thị Th, sinh ngày 26/01/1999 và Trần Văn L, sinh ngày 21/5/2001, các con khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay các con đã trưởng thành và sống tự lập.

Về tình cảm lúc đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Trần Văn L bộc lộ tính cách sống không chung thủy, không tôn trọng vợ con và thiếu quan tâm đến đời sống vợ con. Đỉnh điểm là đến đầu năm 2020 ông Trần Văn L có hành động bạo lực với bà Th,

từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Th và Trần Văn L thực sự không còn nữa, bà Th đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và đã sống tự lập nên bà Th không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung ông đồng ý với lời trình bày của bà Th, ông không có ý kiến gì bổ sung.

Về mâu thuẫn gia đình: Ông thừa nhận lúc đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 cuộc sống gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình sống thiếu tôn trọng nhau, thiếu sự thông cảm, chia sẻ và cuộc sống chung thường xuyên xung đột, cãi vã nên hai bên đã sống ly thân từ 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể duy trì nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người thì ông L đồng ý.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và đã sống tự lập nên ông L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Ông Trần Văn L đồng ý cho bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên

không đề cập xử lý.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông L thường mắng chửi xúc phạm và đánh đập bà Th; hơn nữa ông L và bà Th có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Th đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Trần Văn L là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Các con đều đã trưởng thành và đã sống tự lập, đồng thời các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0013880 ngày 09/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã CM
- UBND xã EM
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thị hành án dân sự Cư M'gar;
- UBND xã Ea Mnang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Lê Thị Huyền Diệu